UBND TỈNH NINH BÌNH **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 341 /HD-STP	*Ninh Bình, ngày 22 tháng 6 năm 2021*

HƯỚNG DẪN
Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Ninh Bình

Hiện nay, công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Ninh Bình đã cơ bản đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và hồ sơ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 (Luật năm 2015) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/ND-CP).

Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định, Sở Tư pháp nhận thấy nhiều hồ sơ gửi thẩm định chưa đảm bảo theo quy định. Mặt khác, quy trình xây dựng văn bản có thay đổi sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020 (Luật năm 2020) và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành. Do đó, để việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh đúng quy định, thống nhất, dễ áp dụng, Sở Tư pháp hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1, KHOẢN 2, KHOẢN 3 ĐIỀU 27 LUẬT NĂM 2015 (*áp dụng đối với nghị quyết do UBND tỉnh trình*)

1. Bước 1: lập đề nghị xây dựng nghị quyết (Điều 111 Luật năm 2015)

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh lập đề nghị xây dựng nghị quyết.

2. Bước 2: trình đề nghị xây dựng nghị quyết *(Điều 114 Luật 2015, khoản 34 Điều 1 Luật năm 2020*):

UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình về đề nghị xây dựng nghị quyết: nội dung tờ trình nêu rõ căn cứ ban hành nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung chính của nghị quyết; thời gian dự kiến đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết;

b) Tài liệu khác (nếu có).

3. Bước 3: Thường trực HĐND tỉnh quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết *(Điều 118 Luật năm 2015)***:**

Trường hợp Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận thì phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh dự thảo nghị quyết; cơ quan, tổ chức trình phân công cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo dự thảo nghị quyết.

4. Bước 4: **sau khi được Thường trực HĐND tỉnh đồng ý, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết thực hiện** (*khoản 35 Điều 1 Luật năm 2020*):

a) Xây dựng dự thảo nghị quyết (nếu nghị quyết được ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật năm 2015);

b) Xây dựng dự thảo nghị quyết và xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với nghị quyết được ban hành theo quy định theo khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015.

5. Bước 5: **lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết** (*Điều 120 Luật năm 2015, Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*)

a) Đối tượng được lấy ý kiến:

- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình;

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết;

- Cơ quan, tổ chức có liên quan;

b) Hình thức và thời hạn lấy ý kiến:

- Đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

- Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

6. Bước 6: tổng hợp ý kiến, hoàn thiện dự thảo nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp ý kiến, xây dựng bản giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

7. Bước 7: thẩm định dự thảo nghị quyết (*khoản 36 Điều 1 Luật năm 2020*):

a) Sau khi lấy ý kiến, cơ quan xây dựng nghị quyết có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định, hồ sơ gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết (gửi bản điện tử và bản giấy);

- Dự thảo nghị quyết (gửi bản điện tử và bản giấy) ;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý (gửi bản điện tử);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định theo khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật năm 2015 (gửi bản điện tử);

- Tài liệu khác (nếu có) (gửi bản điện tử).

b) Thời hạn thẩm định: 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

8. Bước 8: hoàn thiện dự thảo nghị quyết (*khoản 36 Điều 1 Luật năm 2020*)

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết.

9. Bước 9: trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết *(Điều 122 Luật năm 2015, khoản 37 Điều 1 Luật năm 2020):*

a) Hồ sơ dự thảo nghị quyết trình UBND tỉnh bao gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2, khoản 3 Luật năm 2015;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời hạn gửi hồ sơ: Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến UBND tỉnh để chuyển đến các thành viên UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp.

10. Bước 10: UBND tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra HĐND cùng cấp *(khoản 1 Điều 123 Luật năm 2015)*.

11. Bước 11: thẩm tra dự thảo nghị quyết (*Điều 124 Luật năm 2015, khoản 38 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Cơ quan thực hiện thẩm tra: các Ban của HĐND tỉnh.

b) Thời gian gửi hồ sơ để thẩm tra:

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra.

b) Hồ sơ gửi thẩm tra, gồm:

- Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật năm 2015;

- Tài liệu khác.

12. Bước 12: gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND (*khoản 4 Điều 124 Luật năm 2015*).

13. Bước 13: trình HĐND tỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết (*Điều 125 Luật năm 2015)*

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Bản chụp ý kiến góp ý; báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật năm 2015;

- Báo cáo thẩm tra;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời hạn gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết:

Hồ sơ dự thảo nghị quyết phải được gửi đến các đại biểu HĐND tỉnh chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh.

14. Bước 14: HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh (*Điều 126 Luật năm 2015*)

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 27 LUẬT NĂM 2015 (*áp dụng đối với nghị quyết do UBND tỉnh trình*)

Đối với nghị quyết được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật năm 2015 phải thực hiện hai giai đoạn: giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết và giai đoạn xây dựng nghị quyết.

I. Giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết (xây dựng chính sách)

1. Bước 1: cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết tổng kết việc thi hành pháp luật liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết *(khoản 1 Điều 112 Luật 2015)*

- Tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến đề nghị xây dựng nghị quyết; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến nội dung chính của dự thảo nghị quyết.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp cần thiết,

yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến dự thảo nghị quyết.

2. Bước 2: xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết *(khoản 2 Điều 112 Luật 2015, Điều 5 Nghị định 34/2016/NĐ-CP)*:

Nội dung của chính sách gồm:

- Xác định các vấn đề cần giải quyết, nguyên nhân của từng vấn đề;

- Xác định mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể cần đạt được khi giải quyết các vấn đề;

- Xác định định hướng, giải pháp để giải quyết từng vấn đề;

- Xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách;

- Xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề.

3. Bước 3: lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết (*Điều 113 Luật năm 2015, Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)*

a) Đối tượng lấy ý kiến bao gồm:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách;

- Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

- Cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

b) Thời hạn lấy ý kiến: Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.

4. Bước 4: sau khi nhận được ý kiến góp ý, cơ quan, tổ chức lập đề nghị xây dựng nghị quyết nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết.

5. Bước 5: đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến (*khoản 1 Điều 113 Luật năm 2015*)

a) Hồ sơ đăng tải gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời hạn đăng tải: ít nhất là 30 ngày.

Lưu ý: ngoài đăng tải, việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

6. Bước 6: thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết (*Điều 115 Luật năm 2015)*

a) Cơ quan thẩm định: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết.

b) Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết (gửi bản giấy và bản điện tử);

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết (gửi bản giấy và bản điện tử);

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách (gửi bản điện tử);

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý (gửi bản điện tử);

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết (gửi bản điện tử);

- Tài liệu khác (nếu có).

c) Thời hạn thẩm định: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

7. Bước 7: **hoàn thiện đề nghị xây dựng nghị quyết** *(khoản 5 Điều 115 Luật năm 2015)*

Cơ quan, tổ chức lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh.

8. Bước 8: **UBND tỉnh thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết** *(khoản 33 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết.

- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

- Tài liệu khác (nếu có).

b) UBND tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để thông qua các chính sách trong từng đề nghị xây dựng nghị quyết.

9. Bước 9: UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết (*Điều 117 Luật năm 2015, khoản 34 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết;

- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý;

- Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của UBND tỉnh;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết. Nếu chấp thuận thì phân công cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết và quyết định thời hạn trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết.

II. Giai đoạn xây dựng nghị quyết

1. Bước 1: UBND tỉnh phân công cơ quan, tổ chức chủ trì; cơ quan phối hợp soạn thảo dự thảo nghị quyết.

2. Bước 2: cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo nghị quyết.

3. Bước 3: lấy ý kiến đối với dự thảo nghị quyết (*Điều 120 Luật năm 2015)*

Thực hiện thông qua 02 hình thức sau:

- Đăng tải toàn văn dự thảo nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

- Tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết và cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn tham gia ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết ít nhất là 30 ngày; của các cơ quan, tổ chức có liên quan là 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo nghị quyết.

4. Bước 4: tổng hợp ý kiến, hoàn thiện dự thảo nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp ý kiến, xây dựng bản giải trình, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo nghị quyết.

5. Bước 5: thẩm định dự thảo nghị quyết (*khoản 36 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Cơ quan thẩm định: Sở Tư pháp.

b) Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết (gửi bản điện tử và bản giấy);

- Dự thảo nghị quyết (gửi bản điện tử và bản giấy);

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (gửi bản điện tử);

- Bản chụp ý kiến góp ý (gửi bản điện tử);

- Tài liệu khác (nếu có).

c) Thời hạn thẩm định: 15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định.

6. Bước 6: hoàn thiện dự thảo nghị quyết (*khoản 36 Điều 1 Luật năm 2020)*

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết.

7. Bước 7: trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết *(Điều 122 Luật năm 2015, khoản 37 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2, khoản 3 Luật năm 2015;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời gian gửi hồ sơ: cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến UBND tỉnh để chuyển đến các thành viên UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp.

8. Bước 8: UBND tỉnh quyết định việc trình dự thảo nghị quyết *(khoản 1 Điều 123 Luật năm 2015)*

UBND tỉnh xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số để quyết định việc trình dự thảo nghị quyết ra HĐND cùng cấp.

9. Bước 9: thẩm tra dự thảo nghị quyết (*Điều 124 Luật năm 2015, khoản 38 Điều 1 Luật năm 2020)*

a) Cơ quan thực hiện thẩm tra: các Ban của HĐND tỉnh.

b) Thời gian gửi hồ sơ để thẩm tra:

Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra.

b) Hồ sơ gửi thẩm tra, gồm:

- Tờ trình HĐND về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Bản chụp ý kiến góp ý;

- Tài liệu khác.

10. Bước 10: gửi báo cáo thẩm tra đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND (*khoản 4 Điều 124 Luật năm 2015*).

11. Bước 11: trình HĐND tỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết (*Điều 125 Luật năm 2015)*

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình HĐND về dự thảo nghị quyết;

- Dự thảo nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết do Ủy ban nhân dân trình;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Bản chụp ý kiến góp ý;

- Báo cáo thẩm tra;

- Tài liệu khác.

b) Thời hạn gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết:

Hồ sơ dự thảo nghị quyết phải được gửi đến các đại biểu HĐND tỉnh chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh.

12. Bước 12: HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh (*Điều 126 Luật năm 2015*)

PHẦN II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

I. Giai đoạn đề nghị xây dựng quyết định *(Điều 127 Luật năm 2015; Chương III Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; khoản 2, 3 Điều 1 và Điểm a, b, e khoản 1 Điều 2 Nghị định 154/2020/NĐ-CP)*

1. Bước 1: lập đề nghị xây dựng quyết định

a) Cơ quan lập đề nghị:

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

b) Nội dung của đề nghị xây dựng quyết định phải nêu rõ:

- Tên gọi của quyết định;

- Sự cần thiết ban hành quyết định;

- Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của quyết định;

- Nội dung chính của quyết định;

- Dự kiến thời gian ban hành quyết định;

- Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định.

- Đối với quyết định quy định những vấn đề được giao quy định chi tiết, cơ quan đề xuất phải rà soát văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh để xác định rõ nội dung, phạm vi giao quy định cụ thể.

2. Bước 2: xem xét, quyết định việc xây dựng quyết định

a) Cơ quan lập đề nghị xây dựng quyết định trình UBND tỉnh về đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định.

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc xây dựng quyết định của UBND tỉnh.

d) Chủ tịch UBND tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định.

II. Giai đoạn soạn thảo, ban hành quyết định

1. Bước 1: **xây dựng dự thảo quyết định (***Điều 128 Luật 2015 và khoản 39 Điều 1 Luật năm 2020***)**

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo quyết định và tờ trình dự thảo quyết định.

b) Đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính.

c) Đánh giá tác động về giới (nếu có).

2. Bước 2: lấy ý kiến đối với dự thảo quyết định (*Điều 129 Luật năm 2015, Điều 25 Nghị định 34/2016/NĐ-CP)*

a) Đối tượng được lấy ý kiến:

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định;

- Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Hình thức lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến thực hiện thông qua 02 hình thức sau:

a) Đăng tải toàn văn dự thảo quyết định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến.

b) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn tham gia ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định ít nhất là 30 ngày; của các cơ quan, tổ chức có liên quan là 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định.

3. Bước 3: **cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo quyết định** (*điểm d khoản 2 Điều 128 Luật năm 2015*).

4. Bước 4: **thẩm định dự thảo quyết định** (*khoản 40 Điều 1 Luật năm 2020*)

a) Cơ quan thẩm định: Sở Tư pháp.

b) Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo quyết định (gửi bản giấy và bản điện tử);

- Dự thảo quyết định (gửi bản giấy và bản điện tử);

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý (gửi bản điện tử);

- Văn bản thể hiện ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh đối với việc kiểm soát thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Công văn số 06/UBND-VP11 ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh (gửi bản điện tử).

- Tài liệu khác (nếu có).

5. Bước 5: **hoàn thiện dự thảo quyết định**

Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo quyết định, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo quyết định.

6. Bước 6: trình UBND tỉnh dự thảo quyết định (*khoản 41 Điều 1 Luật năm 2020*)

a) Hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo quyết định;

- Dự thảo quyết định;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến góp ý;

- Báo cáo thẩm định;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

- Tài liệu khác (nếu có).

b) Thời gian gửi hồ sơ: cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến UBND tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày UBND tỉnh họp để chuyển đến các thành viên UBND tỉnh.

7. Bước 7: UBND tỉnh thông qua dự thảo quyết định của UBND tỉnh và quyết định ban hành (*Điều 132 Luật năm 2015*).

PHẦN III
XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THEO TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

I. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn (*khoản 44 Điều 1 Luật năm 2020)*

1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

2. Trường hợp cần ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Trường hợp cần bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Trường hợp cần kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần của văn bản quy phạm pháp luật trong một thời hạn nhất định để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

II. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn (*khoản 4 Điều 147 Luật năm 2015)*

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của UBND tỉnh .

III. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn (*khoản 46 Điều 1 Luật năm 2020, Điều 149 Luật năm 2015)*

1. Bước 1: soạn thảo văn bản

Sau khi có ý kiến đồng ý của Thường trực HĐND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bước 2: lấy ý kiến

Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì thời hạn lấy ý kiến không quá 20 ngày.

3. Bước 3: thẩm định, thẩm tra

a) Thời hạn thẩm định, thẩm tra: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

b) Hồ sơ:

- Hồ sơ gửi thẩm định gồm: tờ trình, dự thảo văn bản, bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến.

- Hồ sơ gửi thẩm tra gồm: tờ trình, dự thảo văn bản, bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp lấy ý kiến, báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

4. Bước 4: xem xét và thông qua

a) HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp gần nhất theo trình tự quy định tại Điều 126 của Luật 2015;

b) UBND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo quyết định tại phiên họp gần nhất theo trình tự quy định tại Điều 132 của Luật 2015.

IV. Thời điểm có hiệu lực của văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn (*khoản 48 Điều 1 Luật năm 2020)*

Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

Trên đây là những nội dung cơ bản về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh. Các nội dung khác không thể hiện trong Hướng dẫn này đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Luật năm 2015, Luật năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (để BC);
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, XDKTVB.

GIÁM ĐỐC

Ký bởi: Sở Tư pháp (M)
Email: stphap@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình
Thời gian ký: 22/06/2021 16:39:03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH NINH BÌNH

Phạm Minh Thường